

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 24-5-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU - TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rễn;
2. Bà Lê Thị Sinh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-6-2021 và trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Do bà và bà N là hàng xóm láng giềng, ở gần nên bà quen biết bà Phạm Thị Tuyết N. Ngày 07-12-2016 đương lịch, bà Phạm Thị Tuyết N đến nhà bà để vay số

tiền 10.000.000 đồng, mục đích là trả nợ ngân hàng. Khi vay tiền, bà M có viết 01 giấy biên nhận và cho bà N ký tên vào “biên nhận ngày 07/12//2016 DL” với nội dung “Tám gái có mượn của cháu M số tiền 10 triệu (mười triệu đồng), ngày 7/12/2016 DL”. Hai bên thoả thuận lãi suất bằng lời nói là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 6%/tháng), không thế chấp tài sản gì, thời gian vay khi nào bà N có tiền hoặc khi bà M yêu cầu thì trả bà N trả cho bà M. Cùng ngày, bà N vay thêm số tiền 2.000.000 đồng để trả tiền lãi ngân hàng. Khi vay thêm số tiền 2.000.000 đồng, bà M có ghi “Mượn thêm 2tr lãi, đóng lãi NH” cho bà N ký chữ “gáy” ở dưới dòng chữ viết “Phạm Thị Tuyết N” trong cùng “biên nhận, ngày 07/12/2016 DL”. Tuy nhiên, đến nay đã nhiều lần bà yêu cầu bà N trả tiền nhưng bà N hứa hẹn không trả. Ngày 28-6-2021, bà khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày ký giấy “Biên nhận ngày 07/12/2016 DL”.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31-3-2022 bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà xin thay đổi yêu cầu, căn cứ theo Bản kết luận giám định số: 1267/KL-KTHS, ngày 11-3-2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với giấy “biên nhận ngày 07/12/2016 DL”, bà yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết N trả số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07-12-2016 dương lịch.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, không có lời khai. Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại khu phố 3, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án thông báo thụ lý vụ án ngày 02-7-2021 nhưng đến ngày 31-3-2022 mới ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS (88 ngày). Viện kiểm sát sẽ tập hợp vi phạm ban hành kiến nghị chung.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các các điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với bà Phạm Thị Tuyết N. Buộc bà Phạm Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị M số tiền vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 07-12-2016 DL đến ngày 24-5-2022.

Buộc bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu chi phí giám định chữ ký theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết N về tranh chấp dân sự về vay tài sản, bà N có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bị đơn là bà Phạm Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N. Bà N phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 6; Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 28-6-2021 bà M khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 07-12-2016 dương lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 31-3-2022 thì bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu đối với số tiền 2.000.000 đồng, do bà N mượn sau nhưng không giám định được chữ viết của bà N. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Nội dung tranh chấp:

[3.1] Về tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng theo giấy biên

nhận ngày 07-12-2016 dương lịch, thấy rằng: việc vay mượn của bà N là có thật được thể hiện qua giấy biên nhận nợ đã được giám định chữ ký, chữ viết của bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N đã được Tòa án thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng bà N cố tình không đến, từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không yêu cầu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa bà M và bà N là có thật, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà M khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền vay là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà M đối với bà N là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Bà M yêu cầu bà N trả tiền lãi đối với số nợ gốc 10.000.000 đồng từ ngày 07-12-2016 đến ngày 24-5-2022 là 05 năm 5 tháng 19 ngày với mức lãi suất là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án bà M đã khai, khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói, không ghi vào biên nhận nợ nhưng bà N không có ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho việc không thỏa thuận về lãi suất. Xét thấy, hợp đồng vay giữa các bên là trường hợp vay không xác định được lãi và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà M, do đó căn cứ quy định tại các Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của bà M, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 07-12-2016 đến ngày 24-5-2022 là 05 năm 5 tháng 19 ngày mức lãi suất 9%/năm: $4.500.000 \text{ đồng} (10.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 5 \text{ năm}) + 375.000 \text{ đồng} (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng}) + 47.500 \text{ đồng} (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,025 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày}) = 4.922.500 \text{ đồng}$ được làm tròn thành 4.922.000 đồng.

[3.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, buộc bà Phạm Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 4.922.000 đồng, tổng cộng số tiền là 14.922.000 (mười bốn triệu chín trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu và đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà Phạm Thị Tuyết N trong giấy “Biên nhận ngày 07/12/2016 DL”. Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bà N và chi phí xong số tiền 3.000.000 đồng. Do yêu cầu giám định của bà M là có căn cứ nên bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định theo

quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M được nhận lại số tiền này khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được từ bà N.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $14.922.000 \text{ đồng} \times 5\% = 746.000 \text{ đồng}$ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí, do đó bà M được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với bà Phạm Thị Tuyết N.

Buộc bà Phạm Thị Tuyết N có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi 4.922.000 đồng, tổng cộng là 14.922.000 (mười bốn triệu chín trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Tuyết N không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Phạm Thị Tuyết N còn phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Căn cứ Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Nguyễn Thị M được nhận lại 3.000.000 (ba triệu) đồng tiền tạm ứng chi phí giám định khi thu Chi cục Thi hành án dân sự thu được từ bà Phạm Thị Tuyết N.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu 746.000 (bảy trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0014813 ngày 02-7-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị Tuyết N được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp pháp.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tâm